

“Làng tôi ba bến con đò.
Ai sang cho biết, xin chờ mà sang”

Đó là lời giới thiệu của ông về quê hương - một vùng quê giàu truyền thống cách mạng, hiếu học và thi ca, bên dòng sông Bồ. Là nhà giáo - nhà khoa học, ông đã trải qua cuộc đời hoạt động thật sôi nổi, bắt đầu từ cuộc cách mạng mùa thu năm 1945. Tiếp thu truyền thống gia đình và quê hương, năm 17 tuổi, ông đã tham gia phong trào cách mạng với sự kiện tham dự cuộc mít tinh trước Ngọ Môn và tuần hành thị uy trên đường phố Huế ngày 23.8.1945.

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, ông làm việc tại Ty Thông tin Tuyên truyền tỉnh Quảng Trị, sau đó học Trường trung học chuyên khoa Huỳnh Thúc Kháng và Trường Trung cấp Sư phạm Khu IV. Năm học 1951- 1952, ông là giáo viên trường Trung học kháng chiến Nguyễn Chí Diểu ở vùng căn cứ du kích, xã Phong Chương, huyện Phong Điền, sau đó được điều động làm Hiệu trưởng trường cấp II vùng căn cứ du kích tại xã Phong Phú, huyện Phong Điền. Từ năm 1953 đến năm 1955, ông là cán bộ Sở Giáo dục Liên khu IV, phụ trách giáo dục địch hậu Bình Trị Thiên và cán bộ Ty Giáo dục Hà Tĩnh. Sau đó là những năm tháng đầy hào hùng ở chiến khu Ba Lòng vùng Bình Trị thiên khói lửa với không ít hiểm nguy mà ông cùng các đồng nghiệp đã vượt qua vì sự nghiệp phát triển giáo dục.

Năm 1954, ông được cử đi học tại Đại học Văn khoa Hà Nội. Sau khi tốt nghiệp đại học loại ưu, ông được chuyển tiếp



HÌNH ẢNH ĐẸP CỦA MỘT TRÍ THỨC CÁCH MẠNG

■ THANH HÀ

làm nghiên cứu sinh với đề tài: “Các dân tộc nói tiếng Môn-Khơ me ở miền Bắc Việt Nam”. Luận án đã được bảo vệ năm 1963 tại Đại học Tổng hợp Lômônôxốp. Đây là luận án tiến sĩ chuyên ngành Dân tộc học đầu tiên của một nghiên cứu sinh Việt Nam được bảo vệ ở nước ngoài.

Năm 1964, ông trở về công tác tại Bộ môn Dân tộc học (nay là Bộ môn Nhân học) thuộc Khoa Lịch sử, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. Từ năm 1971 đến

1975, ông được cử làm Chủ nhiệm Khoa Lịch sử; Bí thư liên chi ủy Khoa; Đảng ủy viên, Phó bí thư Đảng ủy Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. Trong 2 năm (1975-1977), trước yêu cầu của tình hình mới, khi đất nước giải phóng, ông được cử tham gia công tác tiếp quản ngành Đại học Sài Gòn, được cử làm Trưởng Ban Quản quản Đại học Văn khoa, Phó Ban Quản quản (sau đó là Phó Ban phụ trách) Viện Đại học Sài Gòn.

Năm 1977, ông được điều động trở lại

công tác tại Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, được cử làm Phó Hiệu trưởng (1977-1981), Quyền Hiệu trưởng (1981-1985); và sau đó là Hiệu trưởng (1985-1988), kiêm Chủ nhiệm Bộ môn Dân tộc học (1986-1988), Chủ tịch Hội đồng Khoa học; Tổng Biên tập Tạp chí Khoa học. Ông Vinh dự được cử làm Đại biểu Đại hội toàn quốc lần thứ VI Đảng Cộng sản Việt Nam (1986).

Từ năm 1988 đến 1993, sau khi nghỉ công tác quản lý tại trường, ông chuyển về công tác tại Trung tâm châu Á-Thái Bình Dương và làm giảng viên Bộ môn Dân tộc học, rồi tiếp tục được cử giữ những trọng trách như: Ủy viên Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam, Phó tổng biên tập kiêm Trưởng ban chuyên ngành Dân tộc học Từ điển Bách khoa Việt Nam; Chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam khóa II. Cho đến hiện nay, mặc dù tuổi đã cao nhưng ông vẫn được mời làm giảng viên kiêm nhiệm tại Bộ môn Nhân học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, đồng thời tham gia giảng dạy các bậc học từ hệ đào tạo cử nhân đến tiến sĩ.

Kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ông trở thành sinh viên Trường Đại học Văn khoa Hà Nội. Chính GS. Trần Văn Giàu đã khuyên ông theo học nghề Dân tộc học và đã trở thành nghiệp đời của ông từ đó.

Trên hành trình Dân tộc học, dấu chân của ông đã có mặt trên nhiều vùng đất của tổ quốc, từ địa đầu Lũng Cú (Hà Giang) cho đến Xóm Mũi (Cà Mau). Là học trò của ông cách đây trên 30 năm, tôi có may mắn được nghe ông kể không ít kỷ niệm điển dã về nhiều tộc người với nhiều hương vị và kỷ niệm không thể nào quên, từ món thắng cố, mèn mèn của người Hmông ở cao nguyên Đông Văn đến âm vang trống đồng của người Lô Lô trên đỉnh Lũng Cú, từ hương vị măng chua nấu với nhái, đặc sản xứ Mường vùng Tây Bắc đến món cơm pôi của người Dục vùng Trường Sơn, về nồi cháo gà thơm ở bản Chòm Lôm vùng miền Tây Quảng Bình vẫn còn nguyên bộ lông chưa kịp làm... Ông kể về lần gặp Bác Hồ và câu hỏi của Người về Xá lá Vàng là kỷ niệm không bao giờ phai mờ, đã tiếp thêm sức mạnh cho ông trên bước đường nghiên cứu.

Trên nửa thế kỷ tham gia giảng dạy và nghiên cứu khoa học, GS. Phan Hữu Dật đã trở thành một trong những giáo sư đầu ngành về Nhân học. Những công trình nghiên cứu của ông tập trung vào những nội dung như: Các vấn đề lý luận về tộc người, về cộng đồng quốc gia dân tộc và lý thuyết Nhân học; Văn hóa các dân tộc ở Việt Nam, Văn hóa và phát triển; Quá trình tộc người và mối quan hệ dân tộc ở Việt Nam, Đông Nam Á và trên thế giới; Dân tộc học và chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh; Lịch sử hôn nhân và gia đình.

Trên 100 công trình nghiên cứu đã được công bố của GS. Phan Hữu Dật đề cập đến các vấn đề cốt lõi trong nghiên cứu Dân tộc học, từ các vấn đề lý thuyết trong nghiên cứu đến việc tổng kết các vấn đề nghiên cứu trong Dân tộc học ở nước ta; từ Dân tộc học Việt Nam đến các vấn đề dân tộc học trên thế giới; từ văn hóa và phát triển đến yêu cầu đào tạo và nghiên cứu Dân tộc học phục vụ cho việc hoạch định và thực hiện đường lối,

chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước; từ mối quan hệ dân tộc và những vấn đề cấp bách ở nước ta và trên thế giới đến vấn đề dân tộc trong toàn cầu hóa; từ việc đẩy mạnh nghiên cứu các ngành khoa học xã hội- nhân văn đến nghiên cứu ứng dụng... "Các công trình nghiên cứu của ông, dù trong lĩnh vực nào, cũng đảm bảo sâu sắc về mặt lý luận, tính nguyên tắc về tư tưởng, ý nghĩa thực tiễn về mặt áp dụng".

Với tư cách là một trong những nhà Dân tộc học đầu ngành, những vấn đề nghiên cứu của ông đã đặt nền tảng cho sự phát triển của nền Dân tộc học Việt Nam. Ông là người Việt Nam đầu tiên soạn giáo trình "Cơ sở Dân tộc học" (1973) phục vụ cho việc nghiên cứu và giảng dạy. Trong thập kỷ 90 của thế kỷ XX, nhiều công trình nghiên cứu của ông đã tiếp tục đề cập đến những yêu cầu nghiên cứu Dân tộc học theo hướng Nhân học trên cơ sở những thành tựu nghiên cứu và nhận thức mới trước yêu cầu phát triển của đất nước, hội nhập khu vực và quốc tế.

Trên nền tảng nghiên cứu cơ bản, những công trình nghiên cứu khoa học của GS. Phan Hữu Dật đã đặc biệt chú trọng nghiên cứu cũng như tổng kết về lý luận và chính sách dân tộc ở nước ta trong lịch sử và hiện tại. Từ rất sớm, ông đã đề nghị bổ sung nguyên tắc giúp nhau cùng phát triển trong các nguyên tắc cơ bản về chính sách dân tộc và nguyên tắc này đã





Nhà giáo, nhà khoa học, nhà thơ Phan Hữu Dật là hình ảnh tiêu biểu của người trí thức cách mạng trưởng thành dưới nền dân chủ mới. Ông là một trong những người đã góp phần làm rạng danh cho nền đại học và khoa học nước nhà nói chung và Đại học Quốc gia Hà Nội nói riêng. Trên con đường cách mạng và hành trình đến chân lý, ông đã vượt qua những chặng đường gập ghềnh của khoa học, như cách nói C. Marx mà ông đã viết trong phần mở đầu cuốn sách của mình.

được thể hiện trong Văn kiện Đại hội IX Đảng Cộng sản Việt Nam. Xuyên suốt trong các công trình nghiên cứu của ông là vấn đề xem xét mối quan hệ dân tộc, từ lý luận đến thực tiễn. Ông đã dày công nghiên cứu những bài học kinh nghiệm trên thế giới và chỉ ra những đặc điểm trong mối quan hệ dân tộc ở nước ta, đồng thời đưa ra những đề xuất có tính thuyết phục nhằm tăng cường hơn nữa mối quan hệ dân tộc hiện nay. Những thành quả nghiên cứu này đã có dịp được ông trình bày tại Hội đồng Dân tộc của Quốc hội (với tư cách là Ủy viên Ban soạn thảo Luật Dân tộc) và Hội đồng Tư vấn Dân tộc của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (với tư cách Phó chủ nhiệm Hội đồng).

Một trong những đóng góp rất quan trọng của GS. Phan Hữu Dật là nghiên cứu về cộng đồng các dân tộc ở Việt Nam, văn hóa và phát triển. Trên 30 công trình nghiên cứu của ông đã bao quát khá nhiều vấn đề trên lĩnh vực này. Có thể coi công trình "Sự phát triển của các dân tộc thiểu số Việt Nam trong thế kỷ XX" là công trình mang tính tổng kết, có tính lý luận và thực tiễn cao. GS. Phan Hữu Dật cũng là người đầu tiên khái quát một cách đầy đủ nhất về những đặc điểm chủ yếu của cộng đồng các dân tộc ở nước ta. Ông cũng đã cùng giới thiệu nghiên cứu tham gia xây dựng các tiêu chí xác định thành phần các dân tộc ở Việt Nam. Những tiêu chí đó đã được đưa vào ứng dụng thực tiễn trong

thập kỷ 70 của thế kỷ XX. Từ thập kỷ 60, 70 của thế kỷ trước, ông đã cùng góp sức cùng các nhà sử học và các khoa học xã hội nghiên cứu về thời đại dựng nước và giữ nước đầu tiên trong lịch sử Việt Nam: thời đại Hùng Vương. Những kết quả nghiên cứu của ông dưới góc độ Dân tộc học đã góp phần soi sáng về tính chất và thiết chế xã hội ở nước ta lúc bấy giờ cũng như vai trò của Văn hóa Lạc Việt trong nền văn hóa Đông Nam Á.

Trong các công trình nghiên cứu của GS. Phan Hữu Dật, lịch sử và văn hóa của nhiều tộc người, từ các tộc người thuộc ngôn ngữ Thái đến các cư dân Môn-Khmer, từ các tộc người nói ngôn ngữ Hmông-Đao đến các tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Hán-Tạng, từ các cư dân Việt-Mường đến các cư dân thuộc ngữ hệ Nam Đảo... đã được thể hiện khá sinh động và có tính thuyết phục. Khi xem xét văn hóa cộng đồng các dân tộc Việt Nam, ông đã có những phân tích khá thuyết phục khi đặt văn hóa cộng đồng các dân tộc Việt Nam trong mối liên hệ văn hóa trong khu vực và thế giới. Những kết quả nghiên cứu này đã

được trình bày tại nhiều trường đại học và các hội thảo quốc tế.

Ông đã có những đóng góp rất quan trọng trong việc xây dựng mô hình bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc ở nước ta trong mối liên hệ biện chứng giữa truyền thống và hiện đại. Khi xem xét văn hóa truyền thống các dân tộc, ông đã phân tích sâu sắc và chỉ ra các yếu tố văn hóa không gây trở ngại, cũng như những giá trị cũ đã lỗi thời, có thể gây trở ngại cho sự phát triển cần cải biến. Đồng thời, ông cũng chỉ ra những giá trị văn hóa của các tộc người có tính vĩnh cửu hay tương đối vĩnh cửu cần được bảo tồn để làm giàu cho văn hóa dân tộc và nhân loại.

Một trong những vấn đề được đề cập trong những công trình nghiên cứu của ông là tiếp cận nghiên cứu con người và văn hóa. Theo GS. Phan Hữu Dật, đứng về mặt phương pháp luận mà nói, không bao giờ có con người chung chung, trừu tượng, mà con người bao giờ cũng là con người cụ thể, sản phẩm tổng hợp của các điều kiện địa lý, môi trường kinh tế, xã hội, lịch sử, văn hóa truyền thống cụ thể.

Với tư cách là chuyên gia hàng đầu nghiên cứu về hôn nhân và gia đình, từ những năm 60 của thế kỷ XX, ông đã nghiên cứu về các hình thái hôn nhân của người Vân Kiều, tìm ra dấu vết liên minh ba thị tộc. Ông cũng đã đi sâu nghiên cứu dấu vết hệ thống bốn hôn đẳng ở Tây Nguyên; các quy tắc cư trú trong hôn nhân cũng như chế độ song hệ; dấu vết bào tộc ở người Êđê với những phát hiện khoa học, mở ra hướng nghiên cứu mới trong việc nghiên cứu quá khứ của loài người, đồng thời góp phần tích cực trong việc thực hiện Luật Hôn nhân gia đình các dân tộc Việt Nam, xây dựng đời sống văn hóa mới, phù hợp với quy luật phát triển. Xung quanh vấn đề này, các công trình của ông về các lý thuyết nghiên cứu, về các tác giả và tác phẩm như H. Morgan với Xã hội cổ đại, Ph. Engels với "Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước"... đã đánh giá một cách khách quan những đóng góp của trường phái Mác-xít trong Dân tộc học, góp phần

định hướng cho các nhà khoa học trẻ, anh chị em sinh viên và học viên cao học trên bước đường học tập và nghiên cứu.

Với cương vị là nhà giáo, ông đã tham gia đào tạo hàng nghìn cử nhân Dân tộc học và Sử học.

Ông đã công bố trên 100 công trình nghiên cứu, trong đó có 9 sách chuyên khảo, đáng chú ý như: "Văn hóa lễ hội của các dân tộc ở Đông Nam Á" (Chủ biên, 1992); "Lễ cầu mùa của các dân tộc ở Việt Nam" (Chủ biên, 1994); "Văn hóa Thái Việt Nam" (viết chung với Cẩm Trọng, 1995); "Phương sách dùng người của cha ông ta trong lịch sử" (Chủ biên, 1998); "Một số vấn đề về Dân tộc học Việt Nam" (1998); "Góp phần nghiên cứu Dân tộc học Việt Nam" (2003)... Nhiều luận văn nghiên cứu của ông đã được công bố trong các chuyên san và tạp chí khoa học quốc tế có uy tín như: Dân tộc học Xô-viết (1961); ASEMI (1978), các kỷ yếu hội thảo quốc tế... bằng nhiều thứ tiếng như Anh, Pháp, Nga.

Ông đã được cử làm chủ nhiệm hai đề tài khoa học cấp Nhà nước: Văn hóa Việt Nam trong sự phát triển sắc thái văn hóa vùng và tộc người (1990-1995); Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách liên quan đến các dân tộc và sắc tộc trên thế giới và ở nước ta hiện nay. Chính sách dân tộc của Đảng (1995-2000). Ông còn

làm chủ nhiệm bốn đề tài khoa học cấp Bộ, thành viên của sáu đề tài khoa học cấp Nhà nước...

Trên nửa thế kỷ qua, với tư cách là nhà giáo, nhà khoa học, ông đã dành toàn bộ tâm huyết với nghề. Đồng nghiệp và học trò tìm thấy ở ông không chỉ là trí tuệ mẫn tiệp và sự lao động miệt mài sáng tạo của một nhà khoa học chân chính mà còn tìm thấy cái tâm của nhà giáo, nhà khoa học, nhà thơ Thanh Lương-Phan Hữu Dật.

Nhà giáo, nhà khoa học, nhà thơ Phan Hữu Dật là hình ảnh tiêu biểu của người trí thức cách mạng trưởng thành dưới nền dân chủ mới. Ông là một trong những người đã góp phần làm rạng danh cho nền đại học và khoa học nước nhà nói chung và Đại học Quốc gia Hà Nội nói riêng. Trên con đường cách mạng và hành trình đến chân lý, ông đã vượt qua những chặng đường gập ghềnh của khoa học, như cách nói C. Marx mà ông đã viết trong phần mở đầu cuốn sách của mình.

Để tạm kết cho bài viết này, xin mượn lời của chính ông:

"... Mẹ ơi, sinh con ra nô lệ

Đâu nghĩ rằng con sẽ đổi đời

Thương mẹ suốt đời trong quạnh quẽ

Biết đâu con đã đến chân trời..."

